

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 13-7-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Như Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Cao Hoài Hiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đỗ Ngọc A, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F (nay là ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh F) - Có mặt.

**Bị đơn:** Anh Phạm Công B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F (nay là ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh F) – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc A trình bày:*

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Thuận, huyện E (nay là xã G, thị xã E) vào ngày 26-3-2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống bên chồng tại ấp Tân Thuận, xã G, huyện E (nay là ấp Tân Thuận, xã G, thị xã E). Sau đó, vợ chồng cất nhà ra riêng tại ấp C, xã D, huyện E (nay là ấp C, xã D, thị xã E). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không chăm lo cho gia đình mà ham mê chơi bời, cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Việc anh B có quan hệ tình cảm với người khác chị không bắt gặp mà

chỉ biết qua tin nhắn điện thoại. Do đã khuyên can chồng nhiều lần mà không được nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 03-7-2006, Phạm Khánh G, sinh ngày 23-02-2010, hiện các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Phạm Công B đã được Tòa án:* Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ anh B để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.

- Về con chung: Giao hai cháu Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 03-7-2006 và Phạm Khánh G, sinh ngày 23-02-2010 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện E (nay là xã G, thị xã E) vào ngày 26-3-2007, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị A cho rằng anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và anh còn thường xuyên chơi bời, không chăm lo cho gia đình chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Tuy chị A và anh B hiện còn đang sống chung nhà nhưng không ai nói đến ai, mạnh ai nấy sống. Qua xác minh tại địa

phương nơi vợ chồng chị A, anh B sinh sống thể hiện: Vợ chồng chị A, anh B xảy ra mâu thuẫn là có thật nguyên nhân do anh B ở địa phương không có nghề nghiệp ổn định, còn thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai cháu Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 03-7-2006 và Phạm Khánh G, sinh ngày 23-02-2010, hiện đang sống cùng chị A. Cháu H và cháu G đều đã trên 07 tuổi, qua làm việc cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ và chị A cũng có yêu cầu được nuôi hai con. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H; cháu G là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã E là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Đỗ Thị A đối với anh Phạm Công B. Chị Đỗ Thị A được ly hôn với anh Phạm Công B.

2. Về con chung: Giao hai cháu tên Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 03-7-2006 và Phạm Khánh G, sinh ngày 23-02-2010 cho chị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017937 ngày 18-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Hưng Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hà Như Thủy**